TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 -2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHAN DANH
NÖÔC CONG HOA XA HOI CHU NGHÓA VIET NAM

TOA AN NHAN DAN HUYEN LONG HO, T**ỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Tham phan – Chu toa phien toa: Ông Huynh Tan P

Các Hoi tham nhan dan:

1. Bà Nguyễn Thị H;

2. Ông Nguyễn Văn N;

Thö ky phien toa: Bà Lê Hồ Quế T- Thư ký viên Toa an nhan dan huyen LH.

Ñai dien Vien kiem sat nhan dan huyen LH tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngay 06 thang 5 nam 2022 tai tru sô Tòa án nhan dan huyen LH, tỉnh VL xet xö sô tham cong khai vu an hôn nhân và gia đình thu ly so: 148/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 ve "Tranh chấp ly hôn" theo Quyet ñònh ñöa vu an ra xet xö so: 39/2022/QĐXX-ST, ngay 28 thang 3 năm 2022 giöa cac ñöông sö:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1994

HKTT: ấp PM 1, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Kiều T, sinh năm 1994

Trú tại: ấp PT 2, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/ 3/ 2022 của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Anh L và chị T có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị

T chỉ sống ở nhà chồng 1 ngày/tuần. Và cứ như vậy được 3 tháng thì chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2021 cho đến nay. Anh L và gia đình nhiều lần đến nhà vợ nói chuyện nhưng phía gia đình chị T từ chối không nhìn nhận rể và sui gia. Cảm thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: Anh L thay đổi yêu cầu về phần vàng cưới. Yêu cầu chị T trả lại toàn bộ số vàng cưới mà chị T đang cất giữ là **19,93 chỉ vàng 23k**

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết bị đơn chị Trương Thị Kiều T trình bày: Chị T không thống nhất những lời trình bày của anh L. Hai người quen nhau được 6 tháng thì tiến đến hôn nhân. Trước khi tổ chức đám cưới gia đình chị T có thỏa thuận là do tính chất công việc nên những ngày đầu tuần thì chị T sẽ ở nhà cha mẹ ruột để tiện đi làm còn giữa tuần đến cuối tuần thì sẽ về nhà chồng. Bên nhà trai đồng ý nên hai bên tổ chức đám cưới. Sau đó không lâu thì phát sinh mâu thuẫn từ việc này. Cha mẹ anh L có đến nhà cha mẹ chị T để giải quyết và cho suy nghĩ 3 ngày. Nhưng chưa đến 3 ngày thì tối ngày 22/3/2021 anh L nhắn tin kêu chị T về lấy đồ vì cả hai hết duyên hết nợ rồi. Chị T nghĩ nhà chồng đuổi nên có về gặp mẹ chồng để lấy đồ dùng cá nhân về nhà cha mẹ ở luôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: Chị T thừa nhận đang giữ số vàng cưới là tài sản chung gồm:

Vàng sính lễ:

+ 01 đôi bông tai 0,93 chỉ vàng 23k

+ 01 kiền đeo cổ 05 chỉ vàng 23k

+ 01 lắc 04 chỉ vàng 23k

+ 02 vòng tay 04 chỉ 23k

+ 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 23k

Vàng cha mẹ chồng cho:

+ 01 nhẫn trơn 01 chỉ vàng 24k

+ 01 nhẫn hoa mai 01 chỉ vàng 23k

Tổng cộng là: 18,93 chỉ vàng 23k và 01 chỉ vàng 24k.

Chị T cho rằng đây là tài sản cho riêng cô dâu trong ngày cưới nên không đồng ý trả lại cho anh L. Trường hợp nếu tòa xử theo quy định pháp luật thì chị T sẽ thực hiện theo quyết định của tòa.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa: có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Anh L trình bày: Tháng 12 năm 2020, hai vợ chồng cưới nhau không có đăng ký kết hôn và hiện nay không còn sống chung với nhau. Nay anh L yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung: không có; Về tài sản chung: anh L đã nhận số tiền 50.000.000đ do chị T giao như hai bên thỏa thuận và anh L rút lại không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có nên không yêu cầu.

Chị T trình bày: không có đăng ký kết hôn thống nhất ly hôn với anh L. Về con chung: không có; Về tài sản chung: đã giao 50.000.000đ cho anh L xong và đồng ý để anh L rút lại không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sô vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận ñònh:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Tháng 12 năm 2020, anh L và chị T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với nhau được 03 tháng rồi xảy ra mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung với nhau. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do hai người không có đăng ký kết hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2].Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

[3].Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh L rút lại yêu cầu đòi lại vàng cưới vì anh L đã nhận đủ 50.000.000đ do chị T đưa như thỏa thuận giữa hai bên. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án Đình chỉ yêu cầu này không xem xét giải quyết.

[4].Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[5].Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003699 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 217, Điều 218, Điều 235 và Điều 244của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 14 và Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh L và chị Trương Thị Kiều T.

2.Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L về việc yêu cầu chị Trương Thị Kiều T trả lại vàng cưới là: 19,93 chỉ vàng 23k. Anh Nguyễn Thanh L không có quyền khởi kiện lại.

4.Về nợ chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003699 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay.

Nôi nhaän:

-TAND tænh;
-VKSND huyeän;
-THADS huyeän;
-Cac ñs;
-Löu.

TM. HOI ÑONG XEÙT XÖ SƠ **THẨM**
THAM PHAN - CHU TOA PHIEN TOA

Huỳnh **Tấn Phong**